



Bài Học Nhớ Đời

Bs Thi Anh

Năm 1973, tôi là sinh viên Y3. Hôm ấy là buổi đầu tiên đi lâm sàng ở khoa Ung thư Bệnh viện Bình Dân. Chúng tôi có sáu đứa, sáu cái áo blouse trắng mới tinh, túi áo thêu 3 ngôi sao đỏ, cổ áo dựng lên vì căng thẳng. Từ cổng đường Phan Thanh Giản* đi vào, nắng Sài Gòn tháng đó không gắt lắm, vậy mà vừa bước qua cái hành lang khu ung thư, một mùi thối khắm, thối nồng nặc của mủ, của thịt hoại tử, của xác chết thối rửa xộc thẳng vào mũi cả bọn.

Tôi nín thở theo phản xạ. Thằng bạn đứng cạnh tôi đưa tay lên che mũi. Đứa con gái duy nhất trong nhóm thì tái mặt đi. Khoa Ung thư thời đó không như bây giờ. Không có máy lạnh, không có buồng cách ly đầy mùi thuốc sát khuẩn. Chỉ là một dãy phòng dài, giường sắt kê gần nhau. Trên mỗi giường là một thân người đã bị ung thư gặm mòn. Có người nằm co quắp vì đau, có người rên ư ử...

Chúng tôi, sáu đứa nhóc Y3, vừa mới qua xong hai năm đầu chỉ học cơ thể học trên xác ướp, sinh lý học trên trong labo và triệu chứng học trên các bài giảng bệnh viện, chưa từng đối diện với những sinh mạng chỉ còn thoi thóp. Sáu đứa líu ríu đứng chụm lại ở cửa khoa, e ngại chưa dám bước vào, tay kẹp chặt cuốn sổ ghi chép lâm sàng nhỏ bằng bàn tay.

Rồi chúng tôi thấy Thầy - Thầy Đào Đức Hoàn**. Thầy đang ngồi trên mép một chiếc giường bệnh ở cuối dãy. Một chiếc giường kê gần cửa sổ, nắng xiên vào chỉ đủ sáng một khoảng nhỏ. Trên giường là một bà bệnh nhân khoảng năm mươi tuổi. Bà mặc một bộ bà ba nâu sẫm, kiểu thường thấy của phụ nữ nông thôn miền Nam khi lên Sài Gòn chữa bệnh thời đó. Tóc bà đã điểm bạc, búi sau gáy nhưng rối bời. Bà rất gầy, xương quai xanh nhô hẳn lên, đôi mắt bà lo lắng như đang đối diện với một nỗi sợ hãi vô hình, nó trùng sâu có lẽ vì mất ngủ hay vì sụt cân quá nhanh. Sau này tôi mới biết bà bị ung thư cổ tử cung giai đoạn cuối, đã di căn, không còn khả năng điều trị vì đến quá muộn.

Thầy ngồi bên bà. Không phải ngồi trên ghế. Thầy ngồi hẳn lên giường bệnh, ngay sát chân bà, như một người thân của bà. Thầy cầm tay bà. Tôi nhớ như in bàn tay thầy, bao trọn lấy bàn tay gầy guộc, khô nứt của bà. Thầy không đeo khẩu trang. Thầy cũng không mang găng tay. Thầy hỏi chuyện bà nhỏ nhẹ, dịu dàng như với người thân của mình.

- Bà Tư, nhà bà ở đâu?
- Dạ thưa bác sĩ, ở dưới Cai Lậy...
- Bà có mấy cháu rồi? Đứa nào đi theo bà lên đây?
- Dạ có thằng Út nó theo...

Thầy nói giọng Bắc di cư, nghe nhẹ nhàng, ấm áp, chậm rãi, từ tốn.

Bà Tư ban đầu chỉ lí nhí, cứ chớp mắt nhìn đi chỗ khác, như ngại mình hôi thối không dám gần thầy. Nhưng thầy vẫn cầm lấy tay bà, thỉnh thoảng lại gạt đầu khi bà trả lời, rồi vuốt nhẹ lên mu bàn tay nổi đầy gân xanh của bà. Cả khoa vẫn ồn ào tiếng xe đẩy, tiếng rên rỉ, tiếng y tá gọi nhau vắng vắng, nhưng ở góc phòng đó, ở chiếc giường nồng nặc mùi ung thư đó, chỉ có hai người, một bác sĩ và một người bệnh, nói chuyện với nhau như hai người đã quen từ lâu rồi, không phải người dưng ở bệnh viện.

Chúng tôi sáu đứa đứng sững lại ở đó, không đứa nào còn che mũi. Các anh chị nội trú lớp trên cũng đứng sau thầy. Tất cả đều im lặng.

Theo lẽ thường, một buổi đi buồng đầu tiên, thầy sẽ gọi chúng tôi lại, giới thiệu bệnh nhân, chỉ vào khối u nào đó, giảng về cách thăm khám, về phân loại các giai đoạn của ung thư, về tiên lượng, về hướng điều trị... Chúng tôi đã chuẩn bị sẵn sổ để ghi chép những từ ngữ to tát đó.

Nhưng hôm đó, Thầy Hoành không giảng một chữ nào về bệnh. Thầy không nói một tí gì về ung thư, về chẩn đoán, về tiên lượng của bà Tư. Thầy không lật hồ sơ bệnh án lên cho chúng tôi xem các kết quả xét nghiệm. Thầy chỉ ngồi đó, cầm tay bà, hỏi bà ăn được không, đêm ngủ được không? có đau nhiều không? thằng Út nó có chỗ ngủ không?

Một lúc sau, bà Tư khóc. Khóc không thành tiếng Nước mắt bà chảy dài trên gò má hóp. Chỉ là những giọt nước mắt lặng lẽ của một người đàn bà biết mình sắp chết. Thầy vẫn không buông tay bà ra. Thầy lấy trong túi áo blouse ra một chiếc khăn tay trắng, chấm nhẹ lên khóe mắt bà. Khoảnh khắc đó, cái mùi hôi khắm nồng nặc của khoa ung thư mà lúc này làm chúng tôi muốn nôn mửa, bỗng dừng như biến mất. Tôi chỉ còn cảm thấy mùi nắng khét trên bộ bà ba nâu của bà, mùi mồ hôi của một đời lam lũ.

Thằng bạn đứng cạnh tôi cúi gằm mặt xuống. Đứa con gái trong nhóm đưa tay quệt mắt. Chúng tôi hiểu. Chúng tôi, sáu đứa sinh viên Y3 ngày đầu tiên đi lâm sàng ung thư năm 1973, vừa được học bài học lâm sàng đầu tiên và có lẽ là bài học quý giá nhất trong cả cuộc đời làm nghề y của mình. Đó không phải là bài học về bệnh ung thư cổ tử cung. Đó là bài học về cách đối xử với một con người đang mang trong mình căn bệnh ung thư.

Sau này ra trường, đi qua nhiều bệnh viện, phụ mổ nhiều ca, đọc hàng trăm cuốn sách y khoa rồi cũng quên dần theo năm tháng, nhưng tôi không bao giờ quên hình ảnh buổi sáng năm 1973 đó. Thầy Hoành ngồi trên giường bệnh, cầm tay một bà bệnh nhân nghèo, bệnh ung thư không còn khả năng điều trị. Thầy đã dạy chúng tôi bằng chính hành động của mình: Khi y học bất lực, thì tình người là thứ thuốc duy nhất còn lại. Giờ nghĩ lại, ở tuổi này, tóc tôi cũng đã bạc trắng, thầy tôi cũng ra đi đã lâu rồi, tôi mới thấy mình thật là may mắn. May mắn vì năm hai mươi mấy tuổi, khi còn là một thằng nhóc lơ lơ, khá ngạo mạn với mới kiến thức sách vở, tôi đã được học thầy một bài học đến giờ vẫn nhớ như in.

Hãy đối xử với bệnh nhân như chính người thân của mình. Và mỗi khi tôi đặt tay lên bụng một bệnh nhân để thăm khám, tôi lại nhớ đến bàn tay to, ấm của thầy Hoành năm đó, bao trọn lấy bàn tay gầy guộc của bà Tư, ở khoa Ung thư Bệnh viện Bình Dân, trong một buổi sáng nồng nặc mùi tử khí, một ký ức sao ấm áp lạ thường.

Chú thích:

* nay là Đường Điện biên Phủ , trước năm 1975 có tên là đường Phan Thanh Giản.

** GS Đào Đức Hoành (1920 - 15.6.2002) là người đặt nền móng ngành Ung thư học miền Nam.

Thầy sinh tại Hà Nội, Tú tài 1941, tốt nghiệp Bác sĩ Y khoa 1948. Thầy từng là Trưởng khu Bệnh lý Ngoại khoa Hà Nội (1950), Bác sĩ thường trú Ngoại khoa BV Yersin (1952). Thầy tu nghiệp chuyên sâu về ung thư tại Pháp với GS Henri Redon và tại Viện Gustave Roussy với GS Pierre Denoix (1956-1957), học Đồng vị Phóng xạ ở Tokyo (1958), Observer tại Memorial Sloan Kettering, New York (1964-1965).

Tại Sài Gòn trước 1975:

- Trưởng khu Bệnh lý Ngoại khoa B - BV Bình Dân từ 1955.
- Giảng sư Ung thư học Đại học Y khoa Sài Gòn 1957, Giáo sư Thạc sĩ 1964, Giáo sư Thực thụ 1966.
- Thành lập Khoa Ung thư BV Bình Dân năm 1957, nơi vừa điều trị vừa giảng dạy cho sinh viên Y khoa Sài Gòn.
- Giám đốc Bệnh viện Bình Dân từ 1967.

Thầy có 41 công trình nghiên cứu, bảo trợ 70 luận án Tiến sĩ Y khoa (1958-1968), được kính trọng vì y đức và tài năng phẫu thuật đầu cổ, bụng chậu.

Thầy và gia đình đã rời Sài Gòn cuối tháng 4/1975 và sau đó định cư tại Canada.

